

**NATURAL WONDERS OF VIETNAM
A CLOSER LOOK 2**

- travel item	(n):đồ du lịch
- a few	: một vài
- a little	: một chút
- hurry up!	: nhanh lên!
- count	(v):đếm, tính
- necessary	(adj):cần thiết
- canteen	(n):căn-tin
- understand – understood -	understood : hiểu
- empty	(adj): trống không, rỗng
- tell-told-told	(v): nói, kể, bảo
- truth	(n): sự thật
- arrive	(v): đến , tới
- pick	(v): hái, nhặt